

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Điều 149; Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 22/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Chị Ngô Thị Hà G, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Số 233, phố Đ, xã H, huyện A, Đài Loan;

+ Anh Ngô Văn S, sinh năm 1985; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn S và chị Ngô Thị Hà G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 23/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do không hợp nhau, bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh S, chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Xét thấy, tình cảm giữa anh S và chị G đã bị rạn nứt trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận thuận tình ly hôn cho anh S và chị G là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Ngô Văn S và chị Ngô Thị Hà G có 01 con chung

là cháu Ngô Khánh L, sinh ngày 30/5/2011. Khi ly hôn, anh S, chị G thỏa thuận: Chị G là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập; anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị G. Cháu Ngô Khánh L có nguyện vọng được ở với mẹ (Chị G). Xét thấy, sự thỏa thuận về con chung của anh S và chị G là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu L. Do đó, chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Anh Ngô Văn S và chị Ngô Thị Hà G xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Ngô Văn S và chị Ngô Thị Hà G thỏa thuận chị G là người nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm, anh S không phải nộp. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện nên được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Văn S và chị Ngô Thị Hà G.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Khánh L, sinh ngày 30/5/2011 cho chị Ngô Thị Hà G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập. Anh Ngô Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị G.

Sau khi ly hôn, anh S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị G và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở.

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Ngô Văn S và chị Ngô Thị Hà G mỗi người phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Công nhận sự thỏa thuận của anh S và chị G: chị G là người nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, anh S không phải nộp. Đối trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí mà chị G đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam theo Biên lai số AA/2021/0001521, ngày 14/11/2022. Chị Ngô Thị Hà G đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện L;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đặng Văn Thuy